

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14 - ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 20 – 5 – 2026.

V/v Ly hôn,
giải quyết về con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Găng .
- Ông Nguyễn Văn Hiến.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Bảo Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 – Đắk Lắk.

- **Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 159/2026/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2026 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn C, sinh năm 1994.

Nơi cư trú: Ấp Đ, xã Đ, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Bà Hà Thị T, sinh năm 1993.

Nơi cư trú: thôn T, xã X, Đắk Lắk.

Ông C có mặt. Bà T vắng mặt, yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/3/2026; quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông C và bà T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương, tổ chức đám cưới và sống chung với nhau vào năm 2021. Đến ngày 17/4/2023, ông C và bà T đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Quá trình sống chung, ông C và bà T chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, không hiểu nhau, luôn bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống gia đình ngày càng căng thẳng. Nay ông C không còn tình cảm với bà T nên yêu cầu ly hôn với bà T.

Về con chung: Có 01 con chung, tên Trần Hà Ngọc T1, sinh ngày 10/12/2021. Cháu T1 đang do bà T nuôi dưỡng. Ông C đồng ý giao cháu T1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu T1 mức 1.000.000đ (*Một triệu đồng*)/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai của đương sự lập ngày 14/4/2026, bị đơn bà Hà Thị T trình bày như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông C tự nguyện tìm hiểu, yêu thương, sống chung với nhau vào năm 2021. Đến ngày 17/4/2023, bà T và ông C tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6/2025, ông C về Cà Mau chăm sóc mẹ của ông C bị bệnh. Đến tháng 9/2025, ông C yêu cầu ly hôn với bà T. Bà T xác định không còn tình cảm với ông C, không thể quay lại để tiếp tục sống với ông C nhưng bà T không đồng ý ly hôn với ông C do bà T nghe thông tin ông C quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác.

Về con chung: Có 01 con chung, tên Trần Hà Ngọc T1, sinh ngày 10/12/2021. Cháu T1 đang do bà T nuôi dưỡng. Bà T yêu cầu nuôi cháu T1 và yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi cháu T1 mức 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*)/ tháng, thời gian cấp dưỡng từ ngày 01/5/2026.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không được.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu T1 mức 2.100.000đ (*Hai triệu một trăm nghìn đồng*)/tháng, thời gian cấp dưỡng từ ngày 01/5/2026.

Bị đơn vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Đắk Lắk phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà T yêu cầu xét xử vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông C đối với bà T. Về con chung: Giao cháu Trần Hà Ngọc T1, sinh ngày 10/12/2021 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và ông C phải cấp dưỡng nuôi cháu T1 mức 2.100.000đ (*Hai triệu một trăm nghìn đồng*)/ tháng, thời gian cấp dưỡng từ ngày 01/5/2026 đến khi phát sinh một trong các điều kiện làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét. Về án phí: Ông C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Văn C yêu cầu ly hôn và giải quyết về con chung với bà Hà Thị T. Bị đơn bà Hà Thị Thu cư T2 tại thôn T, xã X, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án hôn nhân gia đình trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 - Đắk Lắk.

Bị đơn bà Hà Thị T yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông C và bà T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và được UBND xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn số 24, ngày 17/4/2023, đây là hôn nhân hợp pháp. Nay ông C yêu cầu ly hôn với bà T. Bà T không đồng ý ly hôn với ông C.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Mặc dù bà T không đồng ý ly hôn với ông C, nguyên nhân ông C ngoại tình với người phụ nữ khác nhưng tại biên bản lấy lời khai của đương sự lập ngày 14/4/2026, bà Hà Thị T thừa nhận: “...Bà T xác định không còn tình cảm với ông C,

không thể quay lại để tiếp tục sống chung với nhau...Bà T thừa nhận khi còn sống chung, bà T và ông C không có sự tin tưởng nhau trong chuyện tình cảm...từ tháng 8/2025 đến nay bà T và ông C không liên lạc, không sống chung với nhau...không quan tâm tới nhau” và bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ông C ngoại tình với người phụ nữ khác. Tại phiên tòa, ông C không thừa nhận lời trình bày trên của bà T.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, xét thấy mâu thuẫn giữa ông C và bà T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông C đối với bà T.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung, tên Trần Hà Ngọc T1, sinh ngày 10/12/2021. Bà T yêu cầu nuôi cháu T1 và ông C đồng ý giao cháu T1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Xét đây là sự tự nguyện của các đương sự nên HĐXX chấp nhận.

[2.3] Về mức cấp dưỡng và thời gian cấp dưỡng nuôi cháu T1:

Bà T yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi cháu T1 mức 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*)/ tháng, thời gian cấp dưỡng từ ngày 01/5/2026.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà T trình bày ông C có mức thu nhập thực tế 16.000.000đ (*Mười sáu triệu đồng*)/ tháng nhưng bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về thu nhập thực tế của ông C và chi phí thực tế nuôi cháu T1.

Tại phiên tòa, ông C thừa nhận ông C đang học nghề lái tàu biển, chưa có thu nhập ổn định và ông C đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu T1 mức 2.100.000đ (*Hai triệu một trăm nghìn đồng*)/ tháng, thời gian cấp dưỡng từ ngày 01/5/2026.

Xét thấy theo quy định tại khoản 1 Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết*”.

Tại Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ – HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình quy định: “*Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con*”.

Căn cứ ngày 10/11/2025 của Chính Phủ quy định mức lương tối thiểu vùng tại xã X, tỉnh Đắk Lắk là 4.140.000đ (*Bốn triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng*)/ tháng.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, HĐXX xét thấy mức cấp dưỡng nuôi cháu T1 2.100.000đ (*Hai triệu một trăm nghìn đồng*)/tháng phù hợp với chi phí thực tế nuôi con tại địa phương, đảm bảo điều kiện sống cho cháu T1 nên HĐXX chấp nhận.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông C và bà T đều không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Ông C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 147, 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Văn C đối với bà Hà Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Hà Ngọc T1, sinh ngày 10/12/2021 cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông C phải cấp dưỡng nuôi cháu T1 mức 2.100.000đ (*Hai triệu một trăm nghìn đồng*)/ tháng, thời gian cấp dưỡng từ ngày 01/5/2026 đến khi phát sinh một trong các điều kiện làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Ông Trần Văn C phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003597 ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk, buộc ông C còn phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Ông C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk(1);
- VKSND khu vực 14 - Đắk Lắk (2);
- Phòng THADS khu vực 14 - Đắk Lắk (1);
- Các đương sự (2);
- UBND xã Xuân Bình, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên
- nay là UBND xã Xuân Cảnh, tỉnh Đắk Lắk (GCNKH số 24, ngày 17/4/2023);
- Lưu hồ sơ (2);
- Án Văn (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Ngọc Hà

